

Số: **13** /2019/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày **07** tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô do Công ty cổ phần Quản lý các bến xe khách Hải Dương đang quản lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2014 của liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô do Công ty cổ phần Quản lý các bến xe khách Hải Dương đang quản lý trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng/ chuyến

| TT | Danh mục | Bến xe loại 3 | Bến xe loại 4 |
|-----------|---|---------------|---------------|
| I | Xe chạy theo tuyến cố định | | |
| 1 | Tuyến có cự ly vận chuyển từ 0 Km đến dưới 200Km | | |
| | Xe có tải trọng thiết kế 16 ghế | 18.000 | 16.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 25 ghế | 34.000 | 31.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 29 ghế | 36.000 | 34.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 34 ghế | 38.000 | 36.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 45 ghế | 41.000 | 38.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 51 ghế và xe giường nằm | 43.000 | 41.000 |
| 2 | Tuyến có cự ly vận chuyển từ 200 Km đến dưới 500Km | | |
| | Xe có tải trọng thiết kế 16 ghế | 20.000 | 18.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 25 ghế | 36.000 | 33.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 29 ghế | 40.000 | 37.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 34 ghế | 43.000 | 41.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 45 ghế | 47.000 | 44.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế 51 ghế và xe giường nằm | 51.000 | 48.000 |
| 3 | Tuyến có cự ly vận chuyển từ 500 Km trở lên | | |
| | Xe có tải trọng thiết kế 45 ghế trở lên (hoặc xe giường nằm) | 180.000 | 162.000 |
| II | Xe buýt | | |
| 1 | Tuyến có cự ly vận chuyển từ 0 Km đến dưới 50 Km (buýt nội tỉnh) | | |
| | Xe có tải trọng thiết kế từ 40 ghế, chỗ đứng trở xuống | 11.000 | 11.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế trên 40 ghế, chỗ đứng đến dưới 60 ghế, chỗ đứng | 12.000 | 12.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế từ 60 ghế, chỗ đứng trở lên | 14.000 | 14.000 |
| 2 | Tuyến có cự ly vận chuyển từ 50 Km trở lên (buýt lân cận) | | |
| | Xe có tải trọng thiết kế từ 40 ghế, chỗ đứng trở xuống | 15.000 | 15.000 |
| | Xe có tải trọng thiết kế từ trên 40 ghế, chỗ đứng đến dưới 60 ghế, chỗ đứng | 18.000 | 18.000 |
| | - Loại xe có tải trọng thiết kế từ 60 ghế, chỗ đứng trở lên | 22.000 | 22.000 |

Điều 2. Các mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Công ty cổ phần Quản lý các bến xe khách Hải Dương có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định; thực hiện niêm yết giá, công khai thông tin về giá theo quy định của pháp luật về giá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh phương án giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô do Ban Quản lý các bến xe khách Hải Dương đang quản lý.

Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân liên quan; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý các bến xe khách Hải Dương căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HDND tỉnh;
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Trung tâm CNTT (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VP, Thư (80b)✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái